TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 4 - 2024
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Cẩm Nhung
  Ông Lê Bá Chu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn L, sinh năm: 1967; địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Thanh D - Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L.

Bị đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm: 1968; địa chỉ: A A, V, Australia.

(Các đương sự, Luật sư đều xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Đỗ Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phan Thị T có đăng ký kết hôn ngày 30/11/1994 tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách và phương án làm ăn kinh tế nên không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Đến năm 2021, bà T sang Australia để làm ăn sinh sống. Thời gian đầu, bà T có liên lạc với ông thông qua điện thoại nhưng được thời gian ngắn thì bà T đã cắt đứt liên lạc với ông, mặc dù ông đã cố gắng liên lạc với bà T nhưng không được. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 04 con chung tên là Đỗ Hoàng L1, sinh ngày 20/02/1996; Đỗ Phan Quỳnh N, sinh ngày 17/01/2004; Đỗ Minh H, sinh ngày

02/01/2000; Đỗ Phan Ngọc D1, sinh ngày 01/07/2007. Hiện các cháu Đỗ Hoàng L1, Đỗ Phan Quỳnh N, Đỗ Minh H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu Đỗ Phan Ngọc D1 khi ly hôn ông yêu cầu trực tiếp nuôi con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của bà Phan Thị T được công chứng của T1 tại S, Australia:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L có đăng ký kết hôn ngày 30/11/1994 tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách và phương án làm ăn kinh tế nên không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Đến năm 2021, bà sang Australia để làm ăn sinh sống, ông L cùng các con ở lại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý xa, vợ chồng không ai quan tâm chăm sóc nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay ông L yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Có 04 con chung tên Đỗ Hoàng L1, sinh ngày 20/02/1996; Đỗ Phan Quỳnh N, sinh ngày 17/01/2004; Đỗ Minh H, sinh ngày 02/01/2000; Đỗ Phan Ngọc D1, sinh ngày 01/07/2007. Các con đã trưởng thành ở với ai do các con tự quyết định. Riêng cháu Đỗ Phan Ngọc D1 bà đồng ý giao cho ông L nuôi dưỡng

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tiến hành hòa giải nhưng không được do bị đơn bà Phan Thị T có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa; Ông L, bà T đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông bà được ly hôn, con chung giao cho ông L nuôi dưỡng.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Lê Thanh D xin vắng mặt và gửi kèm ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình xử cho ông L và bà T được ly hôn; vợ chồng có 04 con chung nhưng có 03 con chung đã trưởng thành và tự lập cuộc sống, có thu nhập riêng và tự lo cho cuộc sống cá nhân. Riêng đối với con chung tên Đỗ Phan Ngọc D1; sinh ngày 01/7/2007. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân & gia đình; giao cho ông L nuôi dưỡng, ông Lý đ khả năng nuôi dưỡng con nên không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, hơn nữa hiện nay bà T đang ở nước ngoài nên không thể giao con chung cho bà T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đỗ Văn L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Phan Thị T, sinh năm: 1968; địa chỉ: A A, V, Australia. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn đang cư trú tại Australia. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà T đã có bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bản tự khai của bà T đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, ngày 17/4/2024 ông L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L - Luật sư Lê Thanh D có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn L và bà Phan Thị T đăng ký kết hôn ngày 30/11/1994 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 217, Quyển số 01. Hôn nhân do hai bên tự nguyện. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định.

Quá trình sống chung ông bà đều thừa nhận vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách, lối sống giữa vợ chồng không có sự hòa hợp, bất đồng trong việc làm ăn kinh tế nên đầu năm 2021 bà T sang Australia để làm ăn sinh sống, thời gian bà T mới qua vẫn còn liên lạc với ông nhưng sau đó bà T đã ngắt mọi kết nối với ông và gia đình. Nay ông bà đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng đã mạnh ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều có yêu cầu được thuận tình ly hôn.

Tuy nhiên, do bà Phan Thị T vắng mặt tại phiên hòa giải nên căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông L và bà T được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung Đỗ Hoàng L1, sinh ngày 20/02/1996; Đỗ Phan Quỳnh N, sinh ngày 17/01/2004; Đỗ Minh H, sinh ngày 02/01/2000; Đỗ Phan Ngọc D1, sinh ngày 01/07/2007. Xét thấy các con chung đã trưởng thành ở với ai do các cháu tự quyết định. Riêng cháu Đỗ Phan Ngọc D1 ông L yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bà T đồng ý (*cháu D1 có nguyện vọng xin được ở với ông L*). Xét việc thỏa thuận của

đương sự là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của con chung và đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Tài sản chung: Ông L và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông L, bà T trình bày vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Ông L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, 55, 56, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 16 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ N1 và Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Văn L. Cho ông Đỗ Văn L và bà Phan Thị T được ly hôn.

2. Về con chung: Các con Đỗ Hoàng L1, sinh ngày 20/02/1996; Đỗ Phan Quỳnh N, sinh ngày 17/01/2004; Đỗ Minh H, sinh ngày 02/01/2000 đã trưởng thành ở với ai do các con quyết định.

Giao con chung tên Đỗ Phan Ngọc D1, sinh ngày 01/07/2007 cho ông Đỗ Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Ông Đỗ Văn L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008712 ngày 07/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án ông Đỗ Văn L được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bà Phan Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh LĐ;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự (02);
- Lưu AV – HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Vân